

Bản án số: 1500/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10/11/2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Xuân Hải.

2/ Bà Hồ Thị Diệu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2318/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 190/1C Khu phố A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm 1969.

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: 18 GA 30121, USA.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và bản tự khai ngày 14/7/2017 nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y trình bày:

Bà và ông H tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2017. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, phong tục tập quán. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết nên ông H trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn bà vẫn sống ở Việt Nam và hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông H để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 5 năm 2016; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 6 năm 2016 và xét xử lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 21 tháng 7 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 18 tháng 8 năm 2018 đối với ông H bằng công văn số 493/UTTPDS-TA30.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông H đã được Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ xác nhận ngày 13/9/2017 ông H trình bày như sau: Ông và bà Y tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2017. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, phong tục tập quán. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết nên ông trở về Hoa Kỳ vì ông còn công việc ở Hoa Kỳ. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể về Việt Nam sống cùng bà Y nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Y.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 15/10/2017, bà Lê Thị Ngọc Y có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông H đã được Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ xác nhận ngày 13/9/2017 ông H trình bày: Hiện nay ông đang ở Hoa Kỳ, điều kiện kinh tế cũng như đi lại khó khăn do đó ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bà Lê Thị Ngọc Y và ông H đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Thanh và bà Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông H đang cư ngụ hợp pháp tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc Y nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2017 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc Y và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì mâu thuẫn của hai vợ chồng là do bất đồng trong quan điểm sống, phong tục tập quán, ông H sinh sống ở sinh sống ở Hoa Kỳ còn bà Y thì sống ở Việt Nam, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay bà Lê Thị Ngọc Y và ông H mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc Y ly hôn ông H là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác:

+ Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

+ Về chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà Y đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y.

Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Y được ly hôn với ông H.

Giấy đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2017 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034327 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà Y đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Lê Thị Ngọc Y nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông H thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

